

CÔNG BỐ
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG
THỜI ĐIỂM THÁNG 3 NĂM 2021

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Văn bản số 170/UBND-TN ngày 20/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên V/v tăng cường hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản.

Căn cứ Báo cáo giá vật liệu xây dựng của phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện và phòng Quản lý đô thị thị xã, thành phố; Báo giá của nhà sản xuất kinh doanh VLXD; mặt bằng giá thị trường và kết quả khảo sát một số loại vật liệu xây dựng trên thị trường thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên của liên Sở Xây dựng – Sở Tài chính tại thời điểm tháng 3 năm 2021.

SỞ XÂY DỰNG - SỞ TÀI CHÍNH CÔNG BỐ

1. Giá VLXD lưu thông trên thị trường tại các khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố tại thời điểm tháng 3/2021 (có biểu phụ lục chi tiết kèm theo).

Giá cát, sỏi trong Công bố không áp dụng cho các đơn vị khai thác tại chỗ để phục vụ xây dựng công trình, khi có phát sinh Chủ đầu tư đề nghị Liên Sở Xây dựng – Tài chính xác định giá.

2. Mức giá VLXD sản xuất và lưu thông tại trung tâm các huyện, thị, thành phố là giá tối đa đến công trình đối với những công trình được đầu tư xây dựng ở trung tâm các huyện, thị xã, thành phố (Quy định khu vực trung tâm theo địa giới hành chính của các huyện, thị, thành phố) thời điểm tháng 3/2021 (giá đã có thuế VAT).

3. Công bố giá VLXD này có giá trị tại thời điểm tháng 3/2021 và làm cơ sở để tham khảo lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình./.

SỞ TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lường Tuấn Anh

SỞ XÂY DỰNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Minh

BIỂU PHỤ LỤC SỐ 1
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 3 NĂM 2021
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VÀ HUYỆN ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Công bố số: 465 /CBGVLXD/XD-TC ngày 31 /3/2021)

STT	Danh mục vật liệu - quy cách phẩm chất	ĐVT	GIÁ VLXD THÁNG 3/2021	
			Giá nơi sản xuất	Giá lưu thông
	ĐÁ CÁC LOẠI			
	CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH (Giá bán tại nơi sản xuất đã có VAT, chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển và chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		Đ/c: Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Na U, huyện Điện Biên	
1	Đá hộc	đ/m ³	137.400	
2	Đá 4x6	đ/m ³	193.900	
3	Đá 2x4	đ/m ³	200.200	
4	Đá 1x2	đ/m ³	206.600	
5	Đá 0,5x1	đ/m ³	206.600	
6	Đá Base và Subbase	đ/m ³	191.600	
7	Đá mặt	đ/m ³	188.300	
	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG (Giá bán tại nơi sản xuất đã có VAT, chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển và chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		Đ/c: Điểm mỏ đá Tây Trang 10, xã Na U, huyện Điện Biên	
1	Đá hộc	đ/m ³	146.500	
2	Đá 4x6	đ/m ³	206.700	
3	Đá 2x4	đ/m ³	213.500	
4	Đá 1x2	đ/m ³	220.000	
5	Đá 0,5x1	đ/m ³	220.000	
7	Đá Base và Subbase	đ/m ³	204.800	
8	Đá mặt	đ/m ³	210.700	
	CÔNG TY TNHH TRƯỜNG THỌ ĐIỆN BIÊN (Giá bán tại nơi sản xuất đã có VAT, chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển và chưa bao gồm chi phí vận chuyển)		Đ/c: Điểm mỏ Bàn Hà, xã Pá Khoang, huyện Điện Biên	
1	Đá hộc	đ/m ³	251.054	
2	Đá 4x6	đ/m ³	327.852	
3	Đá 2x4	đ/m ³	341.392	
4	Đá 1x2	đ/m ³	354.931	
5	Đá 0,5x1	đ/m ³	356.031	

